TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 302/2018/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 02 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 326/2018/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản M 02, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

* Bị đơn: Chị Vì Thị L, sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: Bản M 02, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản C 02, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lò Văn T và chị Vì Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Vì Thị L thuận tình ly hôn.

2.2**.** Về con chung: Giao cho chị Vì Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lò Kỳ H1, sinh ngày 04/9/2016 và cháu Lò Ngọc H2, sinh ngày 04/9/2018 cho đến khi đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lò Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung cháu Lò Kỳ H1 và cháu Lò Ngọc H2 cùng chị L là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ tháng cho đến

khi cháu Kỳ H2 và cháu Ngọc H1 đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 15/11/2018.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định thì anh Lò Văn T và chị Vì Thị L là cá nhân thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên anh Tuấn và chị L được miễn án phí Dân sự sơ thẩm *(án phí ly hôn)*. Anh T được miễn 150.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm (*án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Điện Biên;*
- *VKSND huyện ĐB;*
- *Chi cục THADS huyện Đ.B;*
- *UBND xã M;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Thủy